



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II NĂM 2019

Đà Nẵng, tháng 07 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2019)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.140.997.321.318	1.070.586.598.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.895.071.560	22.653.298.944
1 . Tiền	111		20.895.071.560	22.653.298.944
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	14.090.680.083	14.090.680.083
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.090.680.083	14.090.680.083
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		483.477.343.707	289.854.156.598
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	436.382.397.564	251.912.306.577
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.229.596.969	35.121.527.455
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		657.400.000	652.400.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.447.817.963	7.407.791.355
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.239.868.789)	(5.239.868.789)
IV. Hàng tồn kho	140		589.310.105.663	717.974.779.467
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	589.310.105.663	717.974.779.467
a . Hàng mua đang đi đường			48.498.407.982	90.807.780.817
b . Nguyên liệu vật liệu tồn kho	142		172.213.239.921	191.262.668.960
c . Công cụ dụng cụ trong kho	143		499.774.467	143.048.027
d . Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144		234.684.178.903	225.659.469.513
e . Thành phẩm tồn kho	145		125.125.367.553	90.791.545.643
f . Hàng hoá tồn kho	146		192.629.784	291.805.081
g . Hàng gửi đi bán	147		8.096.507.053	119.018.461.426
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.224.120.305	26.013.683.500
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	8.918.200.686	5.977.429.205
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	24.305.919.619	20.036.254.295

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2019)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		582.027.354.992	624.141.066.762
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.267.590.930	1.596.552.619
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215		926.400.000	514.300.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.341.190.930	1.082.252.619
II. Tài sản cố định	220		516.785.930.686	561.673.770.846
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	514.946.826.998	559.358.424.700
- Nguyên giá	222		1.286.950.657.719	1.251.335.716.588
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(772.003.830.721)	(691.977.291.888)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.839.103.688	2.315.346.146
- Nguyên giá	228		9.485.881.773	9.406.186.773
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.646.778.085)	(7.090.840.627)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.053.731.468	700.431.824
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	3.053.731.468	700.431.824
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	40.800.423.157	44.410.493.086
1 . Đầu tư vào công ty con	251		44.778.900.000	44.778.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(23.067.178.843)	(19.457.108.914)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		905.000.000	905.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.119.678.751	15.759.818.387
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	17.119.678.751	15.759.818.387
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.723.024.676.310	1.694.727.665.354

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2019)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2019)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.333.714.228.878	1.279.791.263.480
I. Nợ ngắn hạn	310		1.064.248.833.935	991.303.981.736
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	190.072.008.533	225.599.479.955
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.929.662.645	10.813.414.545
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	7.184.367.905	8.270.850.431
4 . Phải trả người lao động	314		220.728.636.210	240.627.244.930
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.988.375.258	3.303.815.006
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	13.690.624.772	13.463.120.606
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	555.816.807.145	435.402.578.503
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	70.838.351.467	53.823.477.760
II. Nợ dài hạn	330		269.465.394.943	288.487.281.744
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.403.112.308	15.294.587.874
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	256.062.282.635	273.192.693.870
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		389.310.447.432	414.936.401.874
I. Vốn chủ sở hữu	410		389.310.447.432	414.936.401.874
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		110.084.210.730	94.980.528.117
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.226.236.702	94.955.873.757
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	809.662.261
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		54.226.236.702	94.146.211.496
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.723.024.676.310	1.694.727.665.354

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí

Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	960.021.065.996	985.499.988.678	1.983.463.753.530	1.993.578.564.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		167.219.372	480.868.651	372.857.902	825.897.590
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		959.853.846.624	985.019.120.027	1.983.090.895.628	1.992.752.667.175
4. Giá vốn hàng bán	11		882.902.469.572	910.623.160.722	1.830.399.281.848	1.845.222.752.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.951.377.052	74.395.959.305	152.691.613.780	147.529.914.358
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	6.824.354.097	5.103.657.482	10.851.176.528	9.244.989.143
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	14.633.908.630	8.883.636.740	21.760.630.250	17.718.626.424
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.262.330.938	6.549.589.468	13.852.459.720	11.843.775.733
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	16.632.357.701	17.378.095.209	32.711.075.284	37.427.207.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	26.893.388.518	27.509.993.546	52.590.114.213	54.301.983.676
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		25.616.076.300	25.727.891.292	56.480.970.561	47.327.085.637
11. Thu nhập khác	31	VI.6	679.094.312	1.197.393.457	1.023.160.653	3.156.602.977
12. Chi phí khác	32	VI.7	340.966.852	279.595.889	949.906.733	1.032.257.300
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		338.127.460	917.797.568	73.253.920	2.124.345.677
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.954.203.760	26.645.688.860	56.554.224.481	49.451.431.314
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.294.461.713	1.468.180.600	2.327.987.779	2.613.005.364
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		24.659.742.047	25.177.508.260	54.226.236.702	46.838.425.950

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Oanh Nữ

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Đức Trị

Đặng Thị Oanh Nữ

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Đức Trị



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.554.224.481	49.451.431.314
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		83.328.844.608	59.950.951.869
- Các khoản dự phòng	03		3.610.069.929	(1.790.830.467)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.031.778.788	6.603.737.142
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(3.217.886.411)	(5.573.640.946)
- Chi phí lãi vay	06		13.852.459.720	11.843.775.733
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	08		156.159.491.115	120.485.424.645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(200.983.406.119)	(72.277.766.444)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		128.664.673.804	(8.764.625.283)
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(63.349.565.864)	100.774.434.516
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.651.977.585)	(2.741.626.104)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.804.559.406)	(12.198.759.219)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.269.064.211)	(3.575.384.772)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		254.079.435	71.067.527
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.841.396.872)	(17.995.992.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.821.725.703)	103.776.772.645

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.668.023.959)	(115.209.373.925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		145.545.454	5.383.478.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(830.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		412.900.000	4.768.271.529
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		3.097.499.699	1.494.121.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.842.078.806)	(103.563.502.574)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.433.695.821.834	1.468.603.136.303
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.331.703.559.709)	(1.417.064.978.106)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.086.685.000)	(44.832.234.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.905.577.125	6.705.924.197
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.758.227.384)	6.919.194.268
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.653.298.944	9.877.011.101
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	20.895.071.560	16.796.205.369

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trí

Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 64,96% vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Quý
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**
- * Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chỉ có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.
 - * Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
 - * Doanh thu hoạt động tài chính được chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.
- 9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**
- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
 - Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50% x 10% theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007
 - Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	51.247.232	162.577.000
_ VND	51.247.232	162.577.000
Tiền gửi ngân hàng	20.843.824.328	22.490.721.944
_ VND	11.549.604.343	6.730.343.586
_ USD	9.287.932.682	15.753.922.701
_ EURO	6.287.303	6.455.657
Cộng	20.895.071.560	22.653.298.944

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	14.090.680.083	14.090.680.083	14.090.680.083	14.090.680.083
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 5 năm	905.000.000	905.000.000	905.000.000	905.000.000
Cộng	14.995.680.083	14.995.680.083	14.995.680.083	14.995.680.083

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
* Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	2.667.900.000	(1.446.204.980)	2.667.900.000	(1.989.201.844)
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	5.418.000.000	(3.879.130.740)	5.418.000.000	(4.261.810.124)
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	8.173.000.000	-	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	26.520.000.000	(7.112.752.457)	26.520.000.000	(2.636.802.891)
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	2.000.000.000	(229.988.558)	2.000.000.000	(170.191.947)
Cộng	44.778.900.000	(12.668.076.735)	44.778.900.000	(9.058.006.806)
* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết				
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	6.428.000.000	-	6.428.000.000	-
Cộng	10.428.000.000	(4.000.000.000)	10.428.000.000	(4.000.000.000)
* Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	(99.102.108)	855.702.000	(99.102.108)
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.399.102.108)	7.755.702.000	(6.399.102.108)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.852.629.092	2.376.690.292
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.119.326.802	2.127.935.264
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	112.940.768	41.663.242
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.444.389.870	25.695.799.787
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	476.774.048	415.184.646
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.017.113.056	33.146.839.361
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	26.628.000	44.360.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.204.876.401	3.207.835.702
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	44.276.762.195	35.850.606.090
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.838.814.391	3.892.836.233
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.618.500.199	905.331.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.672.440.142	16.069.962.360
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	71.370.437	17.725.105
Mua hàng hóa và dịch vụ	38.758.157.257	46.372.488.993
Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	336.956.346	246.010.564
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.361.738.610	25.860.596.489

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	30/06/2019	01/01/2019
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	47.173.350.134	12.228.389.708
<i>HAGGAR CANADA CO.</i>	3.626.920.097	12.812.884.041
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	18.626.270.386	5.278.985.207
<i>KURARAY TRADING CO.,LTD</i>	22.340.965.762	2.548.150.530
<i>ASMARA INTERNATIONAL LTD</i>	7.568.226.291	20.322.042.566
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	128.121.704.280	49.937.802.854
<i>SUPREME INTERNATIONAL LLC</i>	13.425.862.481	24.812.541.214
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	26.090.663.789	34.599.626.692
<i>CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI HÒA THỌ THẮNG BÌNH</i>	65.156.814.723	47.922.242.148
<i>Các khách hàng khác</i>	104.251.619.621	41.449.641.617
Tổng cộng	436.382.397.564	251.912.306.577

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/06/2019	01/01/2019
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	165.074.330	146.031.576
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	2.894.419.545	334.458.025
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</i>		3.635.000
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	65.156.814.723	47.922.242.148
Tổng cộng	68.216.308.598	48.406.366.749

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Các khoản phải thu:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	840.827.357		681.623.555	-
Ký cược, ký quỹ	3.723.280.616		1.267.617.638	
Phải thu khác	2.883.709.990		5.458.550.162	-
- Phải thu bảo hiểm y tế	21.473.806		-	-
- Phải thu tiền BHXH	66.383.355		3.007.885.231	-
- Phải thu tiền BHYT	352.397		-	-
- Phải thu khác	2.795.500.432		2.450.664.931	-
Cộng	7.447.817.963	-	7.407.791.355	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong"	2.450.000.000			
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	891.190.930	-	1.082.252.619	-
Cộng	3.341.190.930	-	1.082.252.619	-

5. Hàng tồn kho:

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	48.498.407.982	-	90.807.780.817	-
Nguyên vật liệu	172.213.239.921		191.262.668.960	
Công cụ dụng cụ	499.774.467		143.048.027	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	234.684.178.903		225.659.469.513	
Thành phẩm	125.125.367.553	-	90.791.545.643	-
Hàng hóa	192.629.784	-	291.805.081	-
Hàng gửi đi bán	8.096.507.053		119.018.461.426	
Cộng	589.310.105.663	-	717.974.779.467	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ								
Số dư tại ngày 01/01/2019		276.397.966.806	840.269.107.883	51.042.421.705	6.694.051.100	93.000.000	76.839.169.094	1.251.335.716.588
Số Tăng trong kỳ		6.151.818.203	44.227.500.394	(11.717.249.249)	154.877.273	-	1.163.436.375	39.980.382.996
- Mua sắm mới		599.616.177	11.168.974.227	442.705.617	154.877.273	-	1.113.831.801	13.480.005.095
- Đầu tư XDCB hoàn thành		5.552.202.026	20.898.571.301	-	-	-	49.604.574	26.500.377.901
- Phân loại lại tài sản		-	12.159.954.866	(12.159.954.866)	-	-	-	-
Số Giảm trong kỳ		2.817.162.883	-	1.513.219.891	35.059.091	-	-	4.365.441.865
- Thanh lý, nhượng bán		1.094.011.741	-	1.513.219.891	35.059.091	-	-	2.642.290.723
- Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		1.723.151.142	-	-	-	-	-	1.723.151.142
- Số dư tại ngày 30/06/2019		279.732.622.126	884.496.608.277	37.811.952.565	6.813.869.282	93.000.000	78.002.605.469	1.286.950.657.719
Giá trị đã hao mòn								
Số dư tại ngày 01/01/2019		104.611.396.191	504.380.352.596	26.954.746.061	4.615.851.891	64.521.106	51.350.424.043	691.977.291.888
Số khấu hao tăng trong kỳ		8.505.692.317	67.985.929.541	961.847.530	447.515.220	3.799.999	4.868.122.543	82.772.907.150
- Tăng do khấu hao trong kỳ		8.505.692.317	67.073.932.929	1.873.844.142	447.515.220	3.799.999	4.868.122.543	82.772.907.150
- Phân loại lại tài sản		-	911.996.612	(911.996.612)	-	-	-	-
Số khấu hao giảm trong kỳ		1.198.089.335	-	1.513.219.891	35.059.091	-	-	2.746.368.317
- Thanh lý, nhượng bán		1.068.852.999	-	1.513.219.891	35.059.091	-	-	2.617.131.981
- Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		129.236.336	-	-	-	-	-	129.236.336
- Số dư tại ngày 30/06/2019		111.918.999.173	572.366.282.137	26.403.373.700	5.028.308.020	68.321.105	56.218.546.586	772.003.830.721
Giá trị còn lại								
- Số dư tại ngày 01/01/2019		171.786.570.615	335.888.755.287	24.087.675.644	2.078.199.209	28.478.894	25.488.745.051	559.358.424.700
- Số dư tại ngày 30/06/2019		167.813.622.953	312.130.326.140	11.408.578.865	1.785.561.262	24.678.895	21.784.058.883	514.946.826.998

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 436.151 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phân mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2019	9.406.186.773
Tăng trong kỳ	79.695.000
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>9.485.881.773</u>
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2019	7.090.840.627
Tăng trong kỳ	555.937.458
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>7.646.778.085</u>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2019	2.315.346.146
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>1.839.103.688</u>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 3.895 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
+ Chi phí cải tạo nhà điều hành	2.304.890.963	-
+ Các công trình khác	748.840.505	700.431.824
Cộng	<u>3.053.731.468</u>	<u>700.431.824</u>

9. Chi phí trả trước:

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.918.200.686	5.977.429.205
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	17.119.678.751	15.759.818.387
Cộng	<u>26.037.879.437</u>	<u>21.737.247.592</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

*** Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/06/2019	01/01/2019
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	16.236.390.433	10.195.414.891
<i>MANHATTAN OUTDOOR WEAR FACTORY LTD</i>	6.464.937.330	8.675.972.079
<i>FUJIAN JING WEI NEW FIBER SCIENCE AND TECHNOLOGY CO, LTD</i>	7.433.512.113	7.144.380.502
<i>D P (ASIA) LIMITED</i>	7.935.138.756	-
<i>KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD</i>	9.871.561.342	-
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	910.635.990	7.203.665.452
<i>Kufner Hongkong Limited</i>	3.978.707.825	16.126.370.100
<i>CDI COTTON DISTRIBUTORS INC</i>	-	10.343.303.873
<i>LOUIS DREYFUS COMMODITIES</i>	-	10.317.681.150
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	20.914.463.626	17.843.537.499
<i>Công ty Cổ phần may Hoà Thọ Quảng Nam</i>	7.520.047.033	7.581.742.746
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	108.806.614.085	130.167.411.663
	190.072.008.533	225.599.479.955

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/06/2019	01/01/2019
<i>- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	20.914.463.626	17.843.537.499
<i>- Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</i>	7.520.047.033	7.581.742.746
Tổng cộng	28.434.510.659	25.425.280.245

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2019	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/06/2019
Thuế GTGT hàng nội địa	5.910.068.018	34.288.424.866	(23.473.920.257)	(10.979.024.286)		5.745.548.341
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.956.058.568	(2.956.058.568)			-
Thuế xuất nhập khẩu	-	502.108.740	(444.257.698)			57.851.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.235.538.145	2.327.987.779	(3.269.064.211)			1.294.461.713
Thuế thu nhập cá nhân	125.244.268	2.764.158.773	(2.802.896.232)		-	86.506.809
Các loại thuế khác	-	2.275.175.814	(2.275.175.814)			-
Cộng	8.270.850.431	45.113.914.540	(35.221.372.780)	(10.979.024.286)	-	7.184.367.905

b, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2019	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	30/06/2019
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	20.036.254.295	68.413.016.191	(53.138.621.020)	(10.979.024.286)	(25.705.561)	24.305.919.619

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	30/06/2019	01/01/2019
<i>Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)</i>	<i>1.032.359.781</i>	<i>593.314.364</i>
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>413.654.892</i>	<i>365.754.578</i>
<i>Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)</i>	<i>1.323.905.671</i>	<i>969.676.740</i>
<i>Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (đơn vị may)</i>	<i>218.454.914</i>	<i>1.375.069.324</i>
Cộng	2.988.375.258	3.303.815.006

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	30/06/2019	01/01/2019
Bảo hiểm y tế	121.078	109.476.856
Bảo hiểm xã hội	-	611.475.067
Kinh phí công đoàn	10.220.887.711	9.344.904.621
Bảo hiểm thất nghiệp	-	47.888.965
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	169.000.000	179.007.118
Lãi cổ tức phải trả	869.179.547	705.864.547
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.431.436.436	2.464.503.432
Cộng	13.690.624.772	13.463.120.606

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	77.751.913.733	77.751.913.733	171.107.352.999	93.355.439.266	-	-
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	114.365.245.954	114.365.245.954	511.197.008.437	476.590.625.124	79.758.862.641	79.758.862.641
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	238.085.547.475	238.085.547.475	539.966.633.734	502.137.061.504	200.255.975.245	200.255.975.245
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	3.561.692.603	3.561.692.603	41.946.942.236	95.236.279.492	56.851.029.859	56.851.029.859
+ Ngân hàng Đông Nam Á-CN Đà Nẵng	86.957.131.083	86.957.131.083	170.354.182.785	148.795.526.889	65.398.475.187	65.398.475.187
+ Ban liên lạc hưu trí	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	520.921.530.848	520.921.530.848	1.434.572.120.191	1.316.114.932.275	402.464.342.932	402.464.342.932

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	16.325.138.138	16.325.138.138	90.025.551	3.698.258.944	19.933.371.531	19.933.371.531
+ Ngân hàng Indovina Đà Nẵng	1.268.892.261	1.268.892.261	8.561.311	635.306.489	1.895.637.439	1.895.637.439
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	14.625.027.361	14.625.027.361	98.635.800	7.313.453.070	21.839.844.631	21.839.844.631
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	109.710	2.550.749.130	2.550.639.420	2.550.639.420
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	216.837.324.875	216.837.324.875	983.084.353	1.819.360.327	217.673.600.849	217.673.600.849
+ Kuraray	7.005.900.000	7.005.900.000	42.000.000	2.335.700.000	9.299.600.000	9.299.600.000
Cộng	256.062.282.635	256.062.282.635	1.222.416.725	18.352.827.960	273.192.693.870	273.192.693.870

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	34.895.276.297	34.895.276.297	18.436.068.173	16.479.027.447	32.938.235.571	32.938.235.571
Cộng	34.895.276.297	34.895.276.297	18.436.068.173	16.479.027.447	32.938.235.571	32.938.235.571

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	225.000.000.000	81.691.135.310	85.993.936.689	392.685.071.999
- Lãi trong năm			94.146.211.496	94.146.211.496
- Phân bổ vào các quỹ		13.289.392.807	(13.289.392.807)	-
- Cổ tức			(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(26.894.881.621)	(26.894.881.621)
Số dư tại ngày 31/12/2018	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
Số dư tại ngày 01/01/2019	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
- Lãi trong năm			54.226.236.702	54.226.236.702
- Phân bổ vào các quỹ		15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
- Cổ tức			(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(23.602.191.144)	(23.602.191.144)
Số dư tại ngày 30/06/2019	225.000.000.000	110.084.210.730	54.226.236.702	389.310.447.432

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	30/06/2019	01/01/2019
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	146.156.210.000	146.156.210.000
Vốn góp của các đối tượng khác	78.843.790.000	78.843.790.000
Cộng	225.000.000.000	225.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

c, Cổ phiếu:	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	22.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2019	53.823.477.760
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	23.602.191.144
Tăng khác	254.079.435
Giảm trong kỳ	6.841.396.872
Số dư tại ngày 30/06/2019	70.838.351.467

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

• **Ngoại tệ các loại:**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	400.252,15	9.287.932.682	680.672,01	15.753.922.701
EUR	238,83	6.287.303	244,33	6.455.657

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
+ Doanh thu bán hàng	1.981.966.539.996	1.992.516.385.998
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	738.204.694	560.768.897
+ Doanh thu khác	759.008.840	501.409.870
Cộng	1.983.463.753.530	1.993.578.564.765

b, các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chiết khấu thương mại	1.163.127	2.297.715
Giảm giá hàng bán	-	185.620.222
Hàng bán bị trả lại	371.694.775	637.979.653
Cộng	372.857.902	825.897.590

2. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	1.298.499.699	1.494.121.640
Chiết khấu thanh toán	36.543.542	66.939.033
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.717.133.287	6.188.328.470
Lợi nhuận được chia	1.799.000.000	1.495.600.000
Cộng	10.851.176.528	9.244.989.143

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí lãi tiền vay	13.852.459.720	11.843.775.733
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.266.321.813	1.796.757.831
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.031.778.788	6.603.737.142
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	3.610.069.929	(2.525.644.282)
Cộng	21.760.630.250	17.718.626.424

4. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí nhân viên	2.409.098.126	3.537.652.956
Chi phí vật liệu, bao bì	283.366.383	436.321.484
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	253.040.310	761.936.116
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.641.075	41.028.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.425.731.382	23.927.430.474
Chi phí bằng tiền khác	6.285.198.008	8.722.838.392
Cộng	32.711.075.284	37.427.207.764

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí nhân viên quản lý	28.129.552.786	27.705.377.257
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.033.533.488	669.722.923
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.326.274.290	4.500.895.396
Thuế, phí và lệ phí	1.724.165.563	1.411.485.113
Chi phí dự phòng		521.432.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.115.689.874	9.105.017.808
Chi phí bằng tiền khác	9.260.898.212	10.388.052.830
Cộng	52.590.114.213	54.301.983.676

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	120.386.712	2.583.919.306
Các khoản thu khác	902.773.941	572.683.671
Cộng	1.023.160.653	3.156.602.977

7. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí từ thanh lý TSCĐ		
Các khoản chi khác	949.906.733	1.032.257.300
Cộng	949.906.733	1.032.257.300

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.031.921.767.522	1.093.464.981.781
Chi phí nhân công	484.466.512.704	459.551.135.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	83.328.844.608	59.950.951.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.516.136.182	264.660.288.306
Cộng	1.843.233.261.016	1.877.627.357.384

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

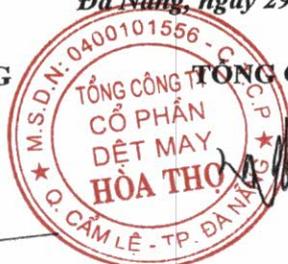
Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trị

Nguyễn Đức Trị